**MẪU VÀ GIẢI THÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Phần I: Mẫu báo cáo của Công ty quản lý quỹ**

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**QUÝ 4.2017**

**I. Thông tin chung về Quỹ : QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM(VFMVF4)**

**1. Mục tiêu của Quỹ:**

Phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ;

**2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

Theo Báo cáo tài chính của Quỹ đã được soát xét hoặc đã được kiểm toán, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là **46.48** (%) so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo (Quý 3/2017); Quỹ không có danh mục cơ cấu và chỉ số tham chiếu là.

**3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Chiến lược đầu tư của Quỹ VFMVF4 là đầu tư năng động vào các loại chứng khoán vốn của các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản, chủ đạo của nền kinh tế Việt Nam. Những doanh nghiệp này hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề bao gồm (nhưng không giới hạn) như: thực phẩm & nước giải khát, hàng tiêu dùng, bán lẻ, năng lượng, vật liệu - khai khoáng, dịch vụ tài chính, ngân hàng, viễn thông, cơ sở hạ tầng - bất động sản… Các doanh nghiệp này có cổ phiếu đã hoặc sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tỷ trọng đầu tư vào chứng khoán vốn của Quỹ VF4 có thể đạt tới 100% tổng tài sản của Quỹ; Ngoài ra, để tạo sự linh hoạt trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư cũng như gia tăng giá trị các khoản tiền nhàn rỗi trong ngắn hạn.

Quỹ VFMVF4 có thể đầu tư vào các loại chứng khoán nợ bao gồm (nhưng không giới hạn): trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu thường và trái phiếu chuyển đổi của các tổ chức phát hành hoạt động … giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ. Trong điều kiện bình thường, tỷ trọng các tài sản khác khác với chứng khoán vốn (như tiền và tài sản tương đương tiền, chứng khoán nợ…) không vượt quá 20% Tổng tài sản của Quỹ.

**4. Phân loại Quỹ:** Quỹ công chúng dạng mở

**5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:** Không có

**6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):** Cao

**7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:** 28/02/2008

**8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo** (Tại ngày 31/12/2017):

* Tổng giá trị tài sản ròng: **748,780,391,098** Việt nam đồng
* Số lượng chứng chỉ quỹ: **40,889,167.69**ccq

**9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:** Không có chỉ số tham chiếu

**10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

**11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ** (ở thời điểm báo cáo (N)):

**II. Số liệu hoạt động**

**1. Cơ cấu tài sản quỹ (N: Đến thời điểm báo cáo):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cơ cấu tài sản quỹ | **31/12/2017****(%)** | **31/12/2016** **(%)** | **31/12/2015** **(%)** |
| 1.Danh mục chứng khoán  | 83.56 | 70.12 | 84.71 |
| 2.Tài sản khác | 16.44 | 29.88 | 15.29 |
| **Cộng** | **100,00** | **100,00** | **100,00** |

**2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động (N: Đến thời điểm báo cáo):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chi tiêu | **31/12/2017** | **31/12/2016** | **31/12/2015** |
| 2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ | 748,780,391,098 | 349,080,267,291 | 285,022,040,119 |
| 2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành | 40,889,167.69 | 27,868,756.2 |  26,481,957.77 |
| 2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) | 18,312.43 | 12,525.86 | 10,762.87 |
| 2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 12,524.51 | 13,226.44 | 11,202.93 |
| 2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 18,312.43 | 10,015.55 | 8.737,36 |
| 2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | -32.83% | -796.42% | -109.79% |
| 2.9.1.Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | -186.81% |  -777.51% |  -107.75% |
| 2.9.2.Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 153.98% | -18.91% | -2.04% |
| 2.10.Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2.11.Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2.12.Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | Không có | Không có | Không có |
| 2.13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 2.2% | 2.30% | 2.30% |
| 2.14.Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 2.8 | 1.2 | 1.5 |

● *Tốc độ vòng quay danh mục: Có thể thuyết minh những nhân tố ảnh hưởng.*

**3.Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Giai đoạn | Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (VND) | Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%) |
| - 1 năm | 5.787 | 46,20 |
| - 3 năm | 9.336 | 26,83 |
| - Từ khi thành lập | 8.312 | 6,95 |
| - Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu | Không có chỉ số tham chiếu | Không có chỉ số tham chiếu |

**4. Tăng trưởng hàng năm:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thời kỳ | **31/12/2017****(%)** | **31/12/2016** **(%)** | **31/12/2015** **(%)** |  |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ | 46,20 | 16,38 | 19,90 |  |

*Ghi chú: Số liệu tăng trưởng cần phải phản ánh theo thời điểm có tính so sánh. Ví dụ tại thời điểm 31/12 thì các số liệu của các năm đưa vào biểu phải đảm bảo có tính so sánh là đều tại 31/12 hàng năm.*

**III. Mô tả thị trường trong kỳ:**

Thị trường tháng 12 vừa kết thúc với diển biến giao dịch khá kịch tính về điểm số. Thị trường chịu sự tác động chủ yếu từ sự dao động của nhóm cổ phiếu Large cap và Bluechip. Hai tuần đầu tiên của tháng đi qua với diển biến kịch tính nhất khi Vnidex vừa bước qua đầu tháng đã chinh phục thành công mốc 970 điểm, nhưng liền sau đó chịu sự tác động tiêu cực từ hoạt động chốt lời của Nhà đầu tư. Lực bán diển ra quyết liệt và lan tỏa kéo thị trường thoái lui về vùng 900 điểm. Đồng thuận với tâm lý thận trọng của Nhà đầu tư nội, Nhà đầu tư Nước ngoài cũng quay lại bán ròng sốt hai tuần đầu tạo áp lực lên thị trường. Vào lúc này, với đà giảm sâu của điểm số, dong tiền đã được kích hoạt quay trở lại bắt đáy sôi nổi, tạo động lực cho sự phục hồi mạnh của các chỉ số vào cuối tuần. Tuần giao dịch thứ ba của tháng trôi qua rung lắc mạnh do hoạt động chốt lời của Nhà đầu tư và cùng ảnh hưởng tiêu cực từ cổ phiếu SAB liên tục giảm giá trước động thái bán ròng ồ ạt của khối Ngoại. Tuần giao dịch cuối năm đầy hưng phấn khi các chỉ số thị trường ghi nhận đà tăng điểm ấn tượng. Sắc xanh đều đặn nối dài qua các phiên và giúp VN-Index tăng gần 32 điểm trong tuần qua. VN-Index đã kết thúc một năm giao dịch đầy thành công khi thiết lập cho mình mốc đỉnh cao mới trong vòng 10 năm trở lại. Những điểm chính của thị trường trong tháng vừa qua: i) Nhóm cổ phiếu Large cap và Blue chip vẫn là nhân tố chính dẫn dắt thị trường tăng điểm, trong khi đó dòng tiền không còn lan tỏa sang các cổ phiếu thuộc nhóm Mid Cap và Small cap; ii) Tâm lý thận trọng Nhà đầu tư tại vùng đỉnh đã khiến thanh khoản sụt giảm; iii) Khối ngoại đã quay trở lại mua ròng mặc dù thị trường bước vào tháng nghỉ lễ, điều này đi ngược với xu hướng hàng năm khối Ngoại luôn bán ròng.

**IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ**:

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 1 năm đến thời điểm báo cáo (%) | 3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%) | Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%) |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 153.98 | 101.74 | N/A |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | -186.81 | -145.59 | N/A |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | -32.83 | -43.85 | N/A |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ | 46,20 | 26,83 | 6,95 |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | Không có | Không có | Không có |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |

● Vốn, Tổng tăng trưởng, Tăng trưởng hàng năm: Dựa trên tăng trưởng của giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ;

● Chỉ số tham chiếu: Dựa trên giá công bố giao dịch cuối cùng ở thời điểm gần nhất.

● Các số liệu trình bày phải được dựa vào kết quả của Báo cáo tài chính đã được soát xét hoặc kiểm toán. Trường hợp dựa trên báo cáo tài chính chưa được soát xét phải công bố thông tin rõ ràng.

● Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất.



● Thay đổi giá trị tài sản ròng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 12/2017 | 12/2016 | Tỷ lệ thay đổi |
| A | 1 | 2 | 3=((1)-(2))/(2) |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 748,780,391,098 | 349,080,267,291 | 114.50% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 18,312.43 | 12,525.86 | 46.20% |

Trong quý IV/2017, quỹ VF4 tăng trưởng 114.50% so với cùng kỳ, trong đó đóng góp chủ yếu đến từ tăng trưởng của danh mục là 46.93% và tiền nhà đầu tư mua mới số chứng chỉ quỹ tăng tương ứng 67.57% so với cùng kỳ. Bình quân trong kỳ giá trị NAV trên một chứng chỉ quỹ tăng 46.20%.

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quy mô nắm giữ (Đơn vị) | Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ | Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Dưới 5000 |  1,259 | 1,041,406.17 | 2.55% |
| Từ 5000 - 10.000 | 123 | 782,024.3 | 1.9% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 181 | 3,797,522.32 | 9.29% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 127 | 16,751,048.85 | 40.97% |
| Trên 500.000 | 11 | 18,517,166.05 | 45.29% |
| **Tổng cộng** | **1,701** | **40,889,167.69** | **100%** |

*Ghi chú: Trình bày tình hình nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất.*

**5.** **Chi phí ngầm và giảm giá**

Trình bày cam kết chính sách của Công ty quản lý quỹ về chi phí ngầm, giảm giá và tính độc lập trong quản lý Quỹ ETF.

**V. Thông tin về triển vọng thị trường :**

Thị trường chứng khoán trong quý đầu năm 2018 dự báo sẽ có nhiều yếu tố tác động như: i) Kết quả kinh doanh năm 2017 của các doanh nghiệp niêm yết dự báo khả quan, là yếu tố hỗ trợ cho việc thu hút dòng tiền của thị trường; ii) Tình hình kinh tế vĩ mô với những chuyển biến tích cực, tăng trưởng GDP cả năm 2017 đạt 6,81%, cao hơn mục tiêu 6,7%, xu hướng tăng trưởng GDP phục hồi sẽ tiếp tục trong năm 2018. Lạm phát đang có chu kỳ thấp khi giá nguyên vật liệu đang ở mức thấp, giá lương thực và thực phẩm được duy trì ổn định iii) Các rủi ro đối với kinh tế Việt Nam đang giảm dần như tỷ lệ nợ công cao và thâm hụt ngân sách. Tỷ lệ nợ công giảm xuống 61,3% GDP (thấp đáng kể so với mức trần 65% và mục tiêu 2017 là 63,5%. Tỷ lệ thâm hụt ngân sách là 2,31% GDP (giảm mạnh từ mức 4,28% trong 2016 và thấp hơn kế hoạch là 3,5%).; iv) Trong năm 2018 dự kiến có nhiều công ty lớn thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) sẽ thu hút một phần dòng tiền từ thị trường niêm yết sẽ khiến thanh khoản sụt giảm. Dự báo cho thấy mức tăng trưởng lợi nhuận trên cổ phiếu của toàn thị trường cổ phiếu năm 2018 là 19%, là động lực lớn cho sự tăng trưởng của thị trường.

**VI. Thông tin khác**

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ

Thông tin gồm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tên | Chức vụ | Bằng cấp | Quá trình công tác |
| Nhân sự điều hành Quỹ VFMVF4 | Lương Thị Mỹ Hạnh | Điều hành Quỹ | Thạc sỹ Kinh tế | * Từ 2010 đến nay: Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
 |
| Trần Lê Minh | Điều hành Quỹ | Thạc sỹ Quản trị Tài chính | * Từ 2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
 |
| Ban đại diện Quỹ | Đặng Thái Nguyên | Chủ tịch  | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế | * Từ 2003 đến 2006: Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á – CN Thanh Hóa
* Từ 2006 đến nay: Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán Việt
 |
| Lê Trung Thành | Thành viên | Cử nhân cao cấp chính trị - Cử nhân quản trị kinh doanh | * Từ 2004 đến nay: Phó tổng giám đốc công ty CP mía đường Lam Sơn
* Từ 2010 đến nay: Giám đốc công ty TNHH Đầu tư thương mại du lịch Lam Sơn
 |
| Lê Thị Thu Hương | Thành viên | Cử nhân Kế toán – Kiểm toán | * Từ 2011 đến 2012: Phó giám đốc công ty TNHH kiểm toán AS
* Từ 2012 đến nay: Phó Tổng giám đốc công ty TNHH kiểm toán Đại Tín
 |
| Phạm Thị Thanh Thúy | Thành viên | Luật Sư  | * Từ 2010 đến nay: Trưởng phòng Pháp chế tuân thủ công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
 |
| Ban điều hành Công ty Quản lý quỹ | Trần Thanh Tân | Tổng Giám đốc | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | * Từ 2003 – nay: Tổng giám đốc Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
 |
| Lương Thị Mỹ Hạnh | Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu | Thạc sỹ Kinh tế | * Từ 2010 đến nay: Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
 |
| Nguyễn Minh Đăng Khánh | Phó tổng giám đốc – Giám đốc tài chính | Thạc sỹ Tài chính – kinh tế | * Từ 2011 đến nay: Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
 |
| Trần Lê Minh | Phó tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội | Thạc sỹ Quản trị Tài chính | * Từ 2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
 |
| Trần Văn Hiếu | Phó tổng giám đốc – Khối huy động vốn | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | * Từ 2010 đến 2012: Giám đốc điều hành công ty Pana Harrison Asia Limited insurance broker Việt Nam
* Từ 2012 đến 2014: Giám đốc Dự án công ty Generali Việt Nam
* Từ 2014 đến 2015: Giám đốc Huy động vốn cao cấp công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
* Từ 2016 đến nay: Phó tổng giám đốc công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam
 |

|  |  |
| --- | --- |
| *Tp HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2018***TỔNG (GIÁM) ĐỐC** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |  |